

**PHỤ LỤC 1**  
**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2028**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND phường Nam Nha Trang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2025			Kế hoạch 03 năm		
		Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND phường quyết định	Thực hiện	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)</b>	<b>139.707</b>	<b>139.707</b>	<b>206.748</b>	<b>183.000</b>	<b>208.620</b>	<b>237.827</b>
<b>I</b>	<b>THU NỘI ĐỊA</b>	<b>139.707</b>	<b>139.707</b>	<b>206.748</b>	<b>183.000</b>	<b>208.620</b>	<b>237.827</b>
<b>1</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý</b>						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
<b>2</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý</b>						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
<b>3</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</b>						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thu từ khí thiên nhiên						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước						
<b>4</b>	<b>Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh</b>	<b>22.827</b>	<b>22.827</b>	<b>33.880</b>	<b>24.500</b>	<b>27.930</b>	<b>31.840</b>
	- Thuế giá trị gia tăng	22.827	22.827	33.599	24.165	27.548	31.405
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				15	17	19
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			281	320	365	416
	- Thuế tài nguyên						
<b>5</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>13.221</b>	<b>13.221</b>	<b>32.738</b>	<b>12.000</b>	<b>13.680</b>	<b>15.595</b>
<b>6</b>	<b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>						
<b>7</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	<b>7.307</b>	<b>7.307</b>	<b>6.516</b>	<b>6.860</b>	<b>7.820</b>	<b>8.915</b>
<b>8</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>				<b>16.200</b>	<b>18.468</b>	<b>21.054</b>
<b>9</b>	<b>Thuế bảo vệ môi trường</b>						
<b>10</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>1.432</b>	<b>1.432</b>	<b>2.219</b>	<b>200</b>	<b>228</b>	<b>260</b>
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu						
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu	1.432	1.432	2.219	200	228	260
	<i>Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>						
<b>11</b>	<b>Tiền sử dụng đất</b>	<b>91.629</b>	<b>91.629</b>	<b>126.024</b>	<b>120.000</b>	<b>136.800</b>	<b>155.952</b>

STT	Nội dung	Năm 2025			Kế hoạch 03 năm		
		Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND phường quyết định	Thực hiện	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
A	B	1	2	3	4	5	6
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý						
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	91.629	91.629	126.024	120.000	136.800	155.952
12	<b>Thu tiền thuê đất, mặt nước</b>						
13	<b>Thu tiền sử dụng khu vực biển</b>						
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương						
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương						
14	<b>Thu từ bán tài sản nhà nước</b>						
	Trong đó: - Do trung ương quản lý						
	- Do địa phương quản lý						
15	<b>Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước</b>						
	Trong đó: - Do trung ương xử lý						
	- Do địa phương xử lý						
16	<b>Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</b>						
17	<b>Thu khác ngân sách</b>	3.291	3.291	5.371	3.240	3.694	4.211
18	<b>Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</b>						
19	<b>Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</b>						
20	<b>Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)</b>						
21	<b>Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)</b>						
II	<b>THU TỪ DẦU THÔ</b>						
III	<b>THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU</b>						
1	<b>Thuế xuất khẩu</b>						
2	<b>Thuế nhập khẩu</b>						
3	<b>Thuế tiêu thụ đặc biệt</b>						
4	<b>Thuế GTGT hàng nhập khẩu</b>						
5	<b>Thuế bảo vệ môi trường</b>						
6	<b>Thu khác</b>						

**PHỤ LỤC 2**  
**DỰ KIẾN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ**  
**GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2026 - 2028**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND phường Nam Nha Trang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2025		Dự toán năm 2026	Dự kiến năm 2027	Dự kiến năm 2028
		Dự toán	Thực hiện			
		1	2	3	4	5
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>36.948</b>	<b>55.400</b>	<b>165.000</b>	<b>188.100</b>	<b>214.434</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu từ thuế</b>	<b>5.936</b>	<b>8.957</b>	<b>40.700</b>	<b>46.398</b>	<b>52.894</b>
<b>1</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý</b>					
	- Thuế giá trị gia tăng					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
	- Thuế tài nguyên					
<b>2</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý</b>					
	- Thuế giá trị gia tăng					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
	- Thuế tài nguyên					
<b>3</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</b>					
	- Thuế giá trị gia tăng					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					
	- Thu từ khí thiên nhiên					
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt					
	- Thuế tài nguyên					
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước					
<b>4</b>	<b>Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh</b>	<b>5.936</b>	<b>8.957</b>	<b>24.500</b>	<b>27.930</b>	<b>31.840</b>
	Thuế giá trị gia tăng	5.936	8.881	24.165	27.548	31.405
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			15	17	19
	Thuế tiêu thụ đặc biệt		76	320	365	416
	Thuế tài nguyên					
<b>5</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>			<b>16.200</b>	<b>18.468</b>	<b>21.054</b>
<b>6</b>	<b>Thuế bảo vệ môi trường</b>					
<b>II</b>	<b>Các loại phí và lệ phí</b>	<b>8.044</b>	<b>17.527</b>	<b>12.200</b>	<b>13.908</b>	<b>15.855</b>
1	Lệ phí trước bạ	6.612	15.308	12.000	13.680	15.595
2	Phí, lệ phí	1.432	2.219	200	228	260
<b>III</b>	<b>Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của NHNN</b>					
<b>IV</b>	<b>Các khoản thu về nhà đất</b>	<b>19.677</b>	<b>23.545</b>	<b>108.860</b>	<b>124.100</b>	<b>141.474</b>
1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.307	6.515	6.860	7.820	8.915
3	Thu tiền thuê đất, mặt nước					
4	Tiền sử dụng đất	12.370	17.030	102.000	116.280	132.559
<b>V</b>	<b>Thu khác</b>	<b>3.291</b>	<b>5.371</b>	<b>3.240</b>	<b>3.694</b>	<b>4.211</b>
1	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
2	Thu từ bán tài sản nhà nước					
3	Thu khác ngân sách	3.291	5.371	3.240	3.694	4.211

**PHỤ LỤC 3**  
**DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2026 - 2028**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2026 của UBND phường Nam Nha Trang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2025			Kế hoạch 03 năm		
		Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND phường quyết định	Thực hiện	Dự toán năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2028
A	B	1		2	3	4	5
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>95.599</b>	<b>95.599</b>	<b>424.826</b>	<b>575.047</b>	<b>657.257</b>	<b>737.163</b>
<b>I</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>95.599</b>	<b>95.599</b>	<b>94.281</b>	<b>575.047</b>	<b>657.257</b>	<b>737.163</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>15.136</b>	<b>15.136</b>	<b>23.538</b>	<b>115.878</b>	<b>135.266</b>	<b>156.793</b>
1.1	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	2.766	2.766	277	13.878	15.266	16.793
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	12.370	12.370	10.936	102.000	120.000	140.000
1.3	Vốn đầu tư công bổ sung trong năm			12.325			
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>76.064</b>	<b>76.064</b>	<b>69.519</b>	<b>441.549</b>	<b>516.831</b>	<b>574.694</b>
2.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	220	220	198	216.939	238.633	262.496
2.2	Chi khoa học và công nghệ						
2.3	Chi quốc phòng	5.263	5.263	3.076	7.315	21.945	24.140
2.4	Chi an ninh	8.952	8.452	5.641	8.480	9.328	10.261
2.5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				29.208	44.208	48.629
2.6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	606	606	474	2.508	2.759	3.035
2.7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	247	247	73	771	848	933
2.8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	268	268	93	589	648	713
2.9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				31.680	34.848	38.333
2.10	Chi hoạt động kinh tế	500	1.000	892	34.650	38.115	41.927
2.11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	45.962	45.962	44.457	51.484	61.781	74.137
2.12	Chi bảo đảm xã hội	13.701	13.701	13.677	56.935	62.629	68.892
2.13	Chi khác	345	345	124	990	1.089	1.198

STT	Nội dung	Năm 2025			Kế hoạch 03 năm		
		Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND phường quyết định	Thực hiện	Dự toán năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2028
2.14	Chi nộp ngân sách cấp trên			814			
<b>3</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>3.438</b>	<b>3.438</b>	<b>1.199</b>	<b>12.929</b>		
<b>4</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>961</b>	<b>961</b>	<b>25</b>	<b>4.691</b>	<b>5.160</b>	<b>5.676</b>
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>			<b>322.761</b>			
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			208			
2	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác						
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định			322.553			
<b>III</b>	<b>Chi từ chuyển nguồn năm trước chuyển sang</b>			<b>7.734</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi từ kết dư năm trước</b>			<b>50</b>			
<b>B</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>						
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>			<b>119.996</b>			